TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 13/4/2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Quang Hiển, ông Phạm Đình Bông.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nông Thị Hường, là Thư ký TAND huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 156/2022/TLST-DS, ngày 09/11/2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS, ngày 13/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 77/2023/QĐST-DS, ngày 07/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C.

Địa chỉ: Số 442 K, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến Ph, chức vụ Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Anh Đ, chức vụ Giám đốc phòng quản lý nợ (theo văn bản ủy quyền số 70/UQ – QLN22, ngày 20/01/2022)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đào Ngọc M - Cán bộ Ngân hàng TMCP C, địa chỉ: Số 152 – 154 – 156 Y, phường L, TP T, tỉnh Đăk Lăk – Có mặt

Bị đơn: Ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L – Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vi Thanh H (Là con của ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L) –Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/7/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Người đại diện theo ủy quyền lại của Nguyên đơn – ông Đào Ngọc M trình bày:

Năm 2017 ngân hàng TMCP C và gia đình ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L hợp đồng tín dụng số DAL.CN.968.200117/PL – 01, ngày 21/01/2017, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L bằng phương thức chuyển toàn bộ số tiền giải ngân vào tài khoản của ông H, bà L tại Ngân hàng theo 04 khế ước nhận nợ, cụ thể:

Khế ước nhận nợ ngày 21/01/2017 Ngân hàng TMCP C cho ông H, bà L vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Theo khế ước nhận nợ này thì thời hạn mà gia đình ông H, bà L phải thanh toán nợ gốc là ngày 21/01/2018, tuy nhiên đến ngày 18/10/2018 gia đình ông H, bà L mới thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng. Số tiền nợ lãi trong hạn mà ông H, bà L chưa thanh toán cho Ngân hàng là 3.968.667 đồng; tiền lãi quá hạn là 70.200.000 đồng

Khế ước nhận nợ ngày 01/4/2017 Ngân hàng TMCP C cho ông H, bà L vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả là 10%/năm. Theo khế ước nhận nợ này thì thời hạn mà gia đình ông H, bà L phải thanh toán nợ gốc là ngày 01/4/2018, tuy nhiên đến ngày 18/10/2018 gia đình ông H, bà L mới thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng. Số tiền nợ lãi trong hạn mà ông H, bà L chưa thanh toán cho Ngân hàng là 7.926.575 đồng; tiền lãi quá hạn là 25.634.836 đồng và tiền lãi phạt chậm trả là 4.060.659 đồng.

Khế ước nhận nợ ngày 28/6/2017 Ngân hàng TMCP C cho ông H, bà L vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả là 10%/năm. Theo khế ước nhận nợ này thì thời hạn mà gia đình ông H, bà L phải thanh toán nợ gốc là ngày 28/6/2018, tuy nhiên đến ngày 18/10/2018 gia đình ông H, bà L mới thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc là 592.140.000, ngày 16/11/2018 H, bà L mới thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc là 7.680.000; ngày 19/11/2018 H, bà L mới thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc là 180.000 đồng . Số tiền nợ lãi trong hạn mà ông H, bà L chưa thanh toán cho Ngân hàng là 29.907.945 đồng; tiền lãi quá hạn là 28.818.748 đồng và tiền lãi phạt chậm trả là 14.944.390 đồng.

Khế ước nhận nợ ngày 17/8/2017 Ngân hàng TMCP C cho ông H, bà L vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả là 10%/năm. Theo khế ước nhận nợ này thì thời hạn mà gia đình ông H, bà L phải thanh toán nợ gốc là ngày 17/8/2018, tuy nhiên đến ngày 16/11/2018 gia đình ông H, bà L mới thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc. Số tiền nợ lãi trong hạn mà ông H, bà L chưa thanh toán cho Ngân hàng là 16.210.274 đồng; tiền lãi quá hạn là 9.723.288 đồng và tiền lãi phạt chậm trả là 7.995.506 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L và anh Vi Thanh H đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 34 đứng tên anh Vi Thanh H, địa chỉ: xã Y, huyện P, tỉnh Đăk Lăk; Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 188, tờ bản đồ số 19 đứng tên ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L, địa chỉ: Thị trấn M, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Tài sản thế chấp đã giải quyết xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Vi Thanh H ngoài việc dùng tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 34 đứng tên anh Vi Thanh H, địa chỉ: xã Y, huyện P, tỉnh Đăk Lăk để bảo đảm cho các khoản vay của ông H, bà L thì anh Hà còn cam kết với Ngân hàng TMCP C về việc sẽ có trách nhiệm liên đới cùng với ông H, bà L thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng đối với các khoản nợ trên.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, do ông H, bà L luôn vi phạm nghĩa vụ thanh toán gốc lãi phát sinh của Hợp đồng đã ký với Ngân hàng TMCP C. Do đó, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc chưa thanh toán của ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L sang nợ quá hạn theo các khế ước nhận nợ.

Tại phiên tòa Ngân hàng TMCP C yêu cầu ông H, bà L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 219.417.888 đồng (tính đến ngày 13/4/2023), anh Vi Thanh H có trách nhiệm liên đới cùng với ông H, bà L trong việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ theoHợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, cụ thể:

Hợp đồng tín dụng (HĐTD) số DAL.CN.968.200117/PL – 01, ngày 21/01/2017 và Khế ước nhận nợ ngày 21/01/2017 phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 3.986.667 đồng đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 70.200.000 đồng. Khế ước nhận nợ ngày 01/4/2017 phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 7.926.575 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 25.634.836 đồng, tiền lãi phạt chậm trả là 4.060.659 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 28/6/2017 phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 29.907.945 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 28.818.748 đồng, tiền lãi phạt chậm trả là 14.944.390; Khế ước nhận nợ ngày 17/8/2017 phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 16.210.274 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 9.723.288 đồng, tiền lãi phạt chậm trả là 7.995.506 đồng;

Bị đơn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi, phí phát sinh cho đến khi thanh toán nợ vay theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng số DAL.CN.968.200117/PL – 01, ngày 21/01/2017 kiêm các khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính lãi phạt chậm trả đối với Khế ước nhận nợ ngày 21/01/2017.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại địa phương, tại phiên tòa các đương sự vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vi phạm quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Buộc ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền theo hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ, cụ thể: Hợp đồng tín dụng

(HĐTD) số DAL.CN.968.200117/PL – 01, ngày 21/01/2017 và khế ước nhận nợ ngày 21/01/2017 phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 3.986.667 đồng đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 70.200.000 đồng, tiền lãi chậm thanh toán; Khế ước nhận nợ ngày 01/4/2017 phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 7.926.575 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 25.634.836 đồng, tiền lãi chậm thanh toán lãi là 4.060.659 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 28/6/2017 phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 29.907.945 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 28.818.748 đồng, tiền lãi chậm thanh toán lãi là 14.944.390; Khế ước nhận nợ ngày 17/8/2017 phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 16.210.274 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 9.723.288 đồng, tiền lãi chậm thanh toán lãi là 7.995.506 đồng. Tổng số tiền mà ông H, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng là 219.417.888 đồng.

Kể từ ngày 14/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số DAL.CN.968.200117/PL – 01, ngày 21/01/2017 và các Khế ước nhận nợ mà các bên đã ký kết.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính tiền lãi phạt chậm trả đối với Khế ước nhận nợ ngày 21/01/2017.

Về án phí: Buộc ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP C khởi kiện ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L phải thanh toán số tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng DAL.CN.968.200117/PL – 01, ngày 21/01/2017 và các Khế ước nhận. Vì vậy, đây là quan hệ "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L cư trú tại thôn H, xã X, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyên Krông Nô theo quy định tại khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vi Thanh H vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về nội dung của hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào hợp đồng tín dụng số DAL.CN.968.200117/PL – 01, ngày 21/01/2017, giấy đề nghị giải ngân kiêm các khế ước nhận nợ đã xác định được Ngân hàng TMCP C cho ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L vay tổng số tiền 1.750.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh; Khế ước nhận nợ ngày 21/01/2017 Ngân hàng TMCP C cho ông H, bà L vay số tiền

600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Khế ước nhận nợ ngày 01/4/2017 Ngân hàng TMCP C cho ông H, bà L vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả là 10%/năm; Khế ước nhận nợ ngày 28/6/2017 Ngân hàng TMCP C cho ông H, bà L vay số tiền 600.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả là 10%/năm; Khế ước nhận nợ ngày 17/8/2017 Ngân hàng TMCP C cho ông H, bà L vay số tiền 250.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay 9,2%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất phạt chậm trả là 10%/năm.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP C và bên vay là ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay… đúng theo quy đinh tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[2.2]. Về số nợ gốc: Ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về yêu cầu thanh toán tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi:

Tại Điều 2 của các khế ước nhận nợ thể hiện lãi suất cho vay là 9,2%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi trong hạn và lãi suất chậm trả là 10%/năm tính đến ngày 13/4/2023 số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo các khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ ngày 21/01/2017 thì số tiền nợ lãi trong hạn mà ông H, bà L chưa thanh toán cho Ngân hàng là 3.986.667 đồng; tiền lãi quá hạn là 70.200.000 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 01/4/2017 thì số tiền nợ lãi trong hạn mà ông H, bà L chưa thanh toán cho Ngân hàng là 7.926.575 đồng; tiền lãi quá hạn là 25.634.836 đồng và tiền lãi phạt chậm trả là 4.060.659 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 28/6/2017 thì số tiền nợ lãi trong hạn mà ông H, bà L chưa thanh toán cho Ngân hàng là 29.907.945 đồng; tiền lãi quá hạn là 28.818.748 đồng và tiền lãi phạt chậm trả là 14.944.390 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 17/8/2017 thì số tiền nợ lãi trong hạn là 16.210.274 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 9.723.288 đồng, tiền lãi chậm thanh toán lãi là 7.995.506 đồng. Tổng số tiền mà ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng là 219.417.888 đồng (tính đến ngày 13/4/2023).

Kể từ ngày 14/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số DAL.CN.968.200117/PL – 01, ngày 21/01/2017 và Khế ước nhận nợ đã ký kết.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi

suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

Đối với anh Vi Thanh H ngoài việc dùng tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 353, tờ bản đồ số 34 đứng tên anh Vi Thanh H, địa chỉ: xã Y, huyện P, tỉnh Đăk Lăk để bảo đảm cho các khoản vay của ông H, bà L thì anh H còn cam kết với Ngân hàng TMCP C về việc sẽ có trách nhiệm liên đới cùng với ông H, bà L thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng đối với các khoản nợ trên. Do đó cần buộc anh H có nghĩa vụ liên đới cùng với ông H, bà L thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP C theo Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ các bên đã ký kết.

[3]. Về xử lý tài sản thế chấp: Ngân hàng không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[4]. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi phạt chậm trả đối với Khế ước nhận nợ ngày 21/01/2017.

[5]. Về án phí: Ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L phải nộp số tiền 10.970.894 đồng (làm tròn 10.971.000 đồng) tiền án phí dân sự sơ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP C số tiền 5.680.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP C (Người nộp tiền Đinh Ngọc H) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003426, ngày 08/11/2022.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 235; Điều 147; Điều 155, Điều 184, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 410, Điều 418, Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C

Buộc ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L thanh toán cho Ngân hàng TMCP C số tiền 227.193.148 đồng. Cụ thể theo hợp đồng tín dụng DAL.CN.968.200117/PL – 01, ngày 21/01/2017 và các và khế ước nhận nợ ngày 21/01/2017 phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 3.986.667 đồng đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 70.200.000 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 01/4/2017 phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 7.926.575 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 25.634.836 đồng, tiền lãi chậm thanh toán lãi là 4.060.659 đồng; Khế ước nhận nợ ngày 28/6/2017 phải thanh toán số tiền nợ lãi trong hạn là 29.907.945 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 28.818.748 đồng, tiền lãi chậm thanh toán lãi là 14.944.390; Khế ước nhận nợ ngày 17/8/2017 phải thanh toán số

tiền nợ lãi trong hạn là 16.210.274 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 9.723.288 đồng, tiền lãi chậm thanh toán lãi là 7.995.506 đồng. Tổng số tiền mà ông H, bà L phải thanh toán cho Ngân hàng là 219.417.888 đồng. Anh Vi Thanh H có nghĩa vụ liên đới cùng với ông H, bà L thanh toán các khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Kể từ ngày 14/4/2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số DAL.CN.968.200117/PL – 01, ngày 21/01/2017 và các khế ước nhận nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bên phải thi hành án phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi suất.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu tính tiền lãi phạt chậm trả đối với Khế ước nhận nợ ngày 21/01/2017.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 10.971.000 đồng ông Vi Thanh H, bà Vi Thị L phải nộp toàn bộ số tiền trên, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP C số tiền 5.680.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP C (Người nộp tiền Đinh Ngọc H) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0003426, ngày 08/11/2022.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đượ thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7,7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện.Krông Nô;
- CC THADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên toà

(Đã Ký)

Lê Thị Tím